

CÔNG TY CP VSC GREEN LOGISTICS
VSC GREEN LOGISTICS JSC

Số/ No: 01/2026.BCQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

----- ❁ -----

Hải Phòng, ngày 28... tháng 07 năm 2026

Haiphong, July 28..., 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
06 tháng đầu năm 2026
6 months/ 2026

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Company name: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CC2 - Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng

Address of headoffice: Lot CC2 - MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City

- Điện thoại/ *Phone:* 0225 2838 666 Fax: 0225 2838 689 Email: fgd@greenicd.com.vn

- Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 254.519.880.000 đồng/dongs (*Hai trăm năm mươi bốn tỷ năm trăm mười chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng/ Two hundred fifty-four billion five hundred nineteen million eight hundred eighty thousand Vietnamese Dong*)

- Mã chứng khoán/ *Stock symbol:* GIC

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

Corporate governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, BOS and Director

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

Regarding the implementation of internal audit function: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders:*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần VSC Green Logistics họp ngày 26 tháng 03 năm 2026 tại Hội trường tầng 3 – Tòa nhà văn phòng – Lô CC2 - KCN MP Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết như sau:

The 2026 Annual General Meeting of Shareholders of VSC Green Logistics Joint Stock Company was held on March 26, 2026 at the Hall on the 3rd floor - Office building - Lot CC2 - MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City. The General Meeting of Shareholders passed the following resolution:

Stt/No	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content															
1	01/2026/ NQ- ĐHĐCĐ	26/03/2026	Điều 1/ Article 1: Thông qua toàn văn các Báo cáo sau: <i>Approve the full text of the following Reports</i> 1. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và từng thành viên Hội đồng quản trị; <i>Report on the activities of the Board of Directors in 2025 and of each Board member</i> 2. Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; <i>Evaluation Report by Independent Board members on the Board of Directors' activities in 2025;</i> 3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026; <i>Report on 2025 business performance and 2026 business plan;</i> 4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025. <i>Report on the activities of the Board of Supervisors in 2025.</i> Điều 2/ Article 2: Thông qua Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2025 đã được kiểm toán, các chỉ tiêu cơ bản của BCTC như sau: <i>Approve the 2025 Audited Financial Statements ("FS"); the basic indicators of the FS are as follows</i> <i>Đơn vị: Đồng Việt Nam/ Unit: Vietnam Dong</i> <table><tr><th>Stt No</th><th>Chỉ tiêu Indicators</th><th>Số tiền Amount</th></tr><tr><td>1</td><td>Tổng tài sản <i>Total Assets</i></td><td>276.971.592.728</td></tr><tr><td>2</td><td>Vốn chủ sở hữu <i>Owner's Equity</i> Trong đó: Vốn cổ phần <i>In which: Share Capital</i></td><td>121.200.000.000 121.200.000.000</td></tr><tr><td>3</td><td>Doanh thu cung cấp dịch vụ <i>Revenue from services rendered</i></td><td>155.974.747.414</td></tr><tr><td>4</td><td>Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i></td><td>1.693.632.677</td></tr></table>	Stt No	Chỉ tiêu Indicators	Số tiền Amount	1	Tổng tài sản <i>Total Assets</i>	276.971.592.728	2	Vốn chủ sở hữu <i>Owner's Equity</i> Trong đó: Vốn cổ phần <i>In which: Share Capital</i>	121.200.000.000 121.200.000.000	3	Doanh thu cung cấp dịch vụ <i>Revenue from services rendered</i>	155.974.747.414	4	Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	1.693.632.677
Stt No	Chỉ tiêu Indicators	Số tiền Amount																
1	Tổng tài sản <i>Total Assets</i>	276.971.592.728																
2	Vốn chủ sở hữu <i>Owner's Equity</i> Trong đó: Vốn cổ phần <i>In which: Share Capital</i>	121.200.000.000 121.200.000.000																
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ <i>Revenue from services rendered</i>	155.974.747.414																
4	Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	1.693.632.677																

			5	Lợi nhuận trước thuế TNDN Profit before corporate income tax	16.510.171.379									
			6	Lợi nhuận sau thuế TNDN Profit after corporate income tax	14.592.770.175									
			7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu Basic earnings per share (EPS)	1.204									
		Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường link: https://greenicd.com.vn (Mục: Thông tin cổ đông; Tiểu mục: Báo cáo tài chính) The full text of the Audited Financial Statements is posted on the Company's website at: https://greenicd.com.vn (Section: Investor Relations; Subsection: Financial Statements). Điều 3/ Article 3: Thông qua Tờ trình số: 02/2026/GIC/TT-HĐQT ngày 05/03/2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau: Approve Proposal No.: 02/2026/GIC/TT-HĐQT dated March 05th, 2026, by the Board of Directors regarding the 2025 profit distribution plan as follows Đơn vị: Đồng Việt Nam/ Unit: Vietnam Dong <table><tr><td>Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 Total profit after tax in 2025</td><td>14.592.770.175</td></tr><tr><td>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi Appropriation to bonus and welfare fund</td><td>1.460.000.000</td></tr><tr><td>Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Bonus for the Board of Directors and the Board of Supervisors</td><td>306.000.000</td></tr><tr><td>Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt: 05% Vốn điều lệ sau khi hoàn thành đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024. 2025 Cash Dividend Payment: 5% of Charter Capital after the completion of the public stock offering to existing shareholders and the issuance of shares for 2024 dividend payment</td><td>Tối đa/ Maximum 12.726.000.000</td></tr></table> Số còn lại để bổ sung vốn kinh doanh và quỹ đầu tư phát triển.					Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 Total profit after tax in 2025	14.592.770.175	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi Appropriation to bonus and welfare fund	1.460.000.000	Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Bonus for the Board of Directors and the Board of Supervisors	306.000.000	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt: 05% Vốn điều lệ sau khi hoàn thành đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024. 2025 Cash Dividend Payment: 5% of Charter Capital after the completion of the public stock offering to existing shareholders and the issuance of shares for 2024 dividend payment	Tối đa/ Maximum 12.726.000.000
Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 Total profit after tax in 2025	14.592.770.175													
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi Appropriation to bonus and welfare fund	1.460.000.000													
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Bonus for the Board of Directors and the Board of Supervisors	306.000.000													
Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt: 05% Vốn điều lệ sau khi hoàn thành đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024. 2025 Cash Dividend Payment: 5% of Charter Capital after the completion of the public stock offering to existing shareholders and the issuance of shares for 2024 dividend payment	Tối đa/ Maximum 12.726.000.000													

			<i>The remaining amount shall be used to supplement working capital and the investment and development fund.</i> Điều 4/ Article 4: Thông qua Tờ trình số: 03/2026/GIC/TT-HĐQT ngày 05/03/2026 của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh năm 2026 và dự kiến mức cổ tức năm 2026 như sau: <i>Approve Proposal No.: 03/2026/GIC/TT-HĐQT dated March 05th, 2026, by the Board of Directors regarding the 2026 business plan and the 2026 expected dividend rate as follows</i> 1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026: <i>2026 Business Plan:</i> • Doanh thu/ Revenue: 150 tỷ đồng/ billion VND • Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax: 15,5 tỷ đồng/ billion VND 2. Dự kiến mức cổ tức năm 2026: <i>2026 Expected Dividend Payout</i> Dự kiến mức cổ tức năm 2026/ <i>Expected dividend rate for 2026:</i> không thấp hơn 05% vốn điều lệ/ <i>not less than 5% of charter capital</i> Điều 5/ Article 5: Thông qua Tờ trình số: 04/2026/GIC/TT-BKS ngày 05/03/2026 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau: <i>Approve Proposal No.: 04/2026/GIC/TT-BKS dated March 05th, 2026, by the Board of Supervisors on the selection of an independent auditing firm as follows</i> Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán, tiến hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập (có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026) để thực hiện các hoạt động kiểm toán của Công ty. <i>General Meeting of Shareholders authorize the Board of Directors to select an independent audit firm (which is reputable, licensed to operate in Vietnam, and included in the list of firms approved by the State Securities Commission to audit public interest entities in the securities sector for the year 2026) to perform the Company's auditing activities, based on service quality and audit fees.</i> Thời gian thực hiện kiểm toán: Kể từ có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đến ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2027. <i>Auditing period: From the date of the Decision of the 2026</i>
--	--	--	--

			<i>Annual General Meeting of Shareholders until the date of the 2027 Annual General Meeting of Shareholders</i> Điều 6/ Article 6: Thông qua Tờ trình số: 05/2026/GIC/TT-HĐQT ngày 05/03/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua sửa đổi bổ sung toàn văn Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty đính kèm Nghị quyết này. <i>Approve Proposal No.: 05/2026/GIC/TT-HĐQT dated March 05th, 2026, by the Board of Directors on the Approve the amendment and supplement to the entire text of the Company's Charter. The Company's Charter is attached.</i> Điều 7/ Article 7: Thông qua Tờ trình số: 06/2026/GIC/TT-HĐQT ngày 05/03/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. <i>Approve Submission No. 06/2026/GIC/TT-HĐQT dated March 05, 2026, of the Board of Directors on the approval of contracts, transactions within the authority of the General Meeting of Shareholders (GMS).</i> Điều 8/ Article 8: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Toàn thể cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. <i>This Resolution takes effect from the date of signing. All shareholders, the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management, as well as relevant departments and individuals, are responsible for implementing this Resolution.</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị/ Board of Directors:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about Board of Directors (BOD) members:*

Hội đồng quản trị hiện có 05 thành viên/ *The current Board of Directors consists of 05 members:*

Stt/ No	Thành viên HĐQT/ BOD Members	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
1	Nguyễn Đức Dũng	CT HĐQT/ Chairman	Trúng cử ngày/ <i>Elected date</i> 15/03/2024	

2	Nguyễn Kim Dương Khôi	TV HĐQT/ Member	Trúng cử ngày/Elected date 17/04/2021 Tái cử ngày/ Re- election date 15/03/2024	
3	Đồng Trung Hải	TV HĐQT/ Member	Trúng cử ngày/Elected date 17/04/2021 Tái cử ngày/ Re- election date 15/03/2024	
4	Lê Quang Huy	TV HĐQT độc lập/ Independent Member	Trúng cử ngày/Elected date 10/03/2025	
5	Trần Thị Phương Anh	TV HĐQT/ Member	Trúng cử ngày/Elected date 14/03/2022 Tái cử ngày/Re- election date 15/03/2024	

2. Các cuộc họp HĐQT/ Board of Directors Meetings:

Stt/ No	Thành viên HĐQT/ BOD Members	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Nguyễn Đức Dũng	15	100%	
2	Nguyễn Kim Dương Khôi	15	100%	
3	Đồng Trung Hải	15	100%	
4	Lê Quang Huy	15	100%	
5	Trần Thị Phương Anh	15	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc:

Supervisory activities of the Board of Directors over the Board of Management:

+ HĐQT giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh, việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

The Board of Directors closely monitors business activities, the implementation of resolutions, business plans and investment plans approved by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders.

+ Giám sát các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Monitor the operations of the Board of Management to ensure that the Company's business activities are safe, in compliance with the provisions of the Law, and in accordance with the direction of the resolution of the Company's General Meeting of Shareholders.

+ Giám sát công tác điều hành quản lý bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động trong Công ty.

Supervise the management and operation of the Company's apparatus and organizational structure.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): không

Activities of the subcommittees of the Board of Directors (if any): none

5. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Resolutions/Decisions of the Board of Directors

Stt/ No	Số nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Passage Rate
1	01/2026/NQ-HĐQT	15/01/2026	Thông qua ký kết Hợp đồng hợp tác giữa Công ty với Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Logistics Xanh <i>The execution of the Cooperation Agreement between the Company and Green Logistics Center One Member Company Limited</i>	100%
2	02/2026/NQ-HĐQT	20/01/2026	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 <i>Organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
3	03/2026/NQ-HĐQT	05/02/2026	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm <i>Closing the list of shareholders to exercise rights for 2024 stock dividend payment and additional share</i>	100%

			<i>subscription</i>	
4	04/2026/NQ-HĐQT	10/02/2026	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các nội dung liên quan <i>Closing the list of shareholders to exercise rights for 2024 stock dividend payment, additional share subscription and related contents</i>	100%
5	05/2026/NQ-HĐQT	05/03/2026	Thông qua bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 <i>Approval of the meeting documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
6	06/2026/NQ-HĐQT	10/03/2026	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 và các nội dung liên quan <i>Approving the results of share issuance for 2024 dividend payment and related matters</i>	100%
7	07/2026/NQ-HĐQT	16/03/2026	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần VSC Green Logistics <i>Approving the amendment of the Charter of VSC Green Logistics Joint Stock Company</i>	100%
8	08/2026/NQ-HĐQT	18/03/2026	Thông qua sửa đổi tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 <i>Approval of the amendment for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders' certain materials</i>	100%
9	09/2026/NQ-HĐQT	24/04/2026	Xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng <i>The approval of the application for extension of the Certificate of Registration for Public Offering of Additional Shares</i>	100%
10	10/2026/NQ-HĐQT	28/04/2026	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu còn dư của đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu <i>Approval of the plan for the disposal of undistributed shares from the public offering to existing shareholders</i>	100%
11	11/2026/NQ-HĐQT	04/05/2026	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu còn dư của đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. <i>Approval of the plan for the disposal of undistributed shares from the public offering to existing shareholders</i>	100%
12	12/2026/NQ-HĐQT	08/05/2026	Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2025 và các nội dung liên quan <i>Approval of the 2025 public offering results and related</i>	100%

			<i>matters</i>	
13	13/2026/NQ-HĐQT	13/05/2026	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần VSC Green Logistics <i>Approval of the amendments to the Charter of VSC Green Logistics Joint Stock Company</i>	100%
14	14/2026/NQ-HĐQT	09/06/2026	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập <i>Approval of the selection of independent auditing firm</i>	100%
15	15/2026/NQ-HĐQT	09/06/2026	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông <i>Approval of the 2025 cash dividend payment to shareholders</i>	100%
16	01/2026/QĐ-HĐQT	26/03/2026	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty cổ phần VSC Green Logistics <i>Appropriation to the Bonus and Welfare Fund from the 2025 profit after tax of VSC Green Logistics Joint Stock Company</i>	
17	02/2026/QĐ-HĐQT	26/03/2026	Thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty số tiền là 306.000.000 đồng <i>Bonus for the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the Company Secretary with an amount of VND 306,000,000</i>	

III. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors:*

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS):

Information about Board of Supervisors (BOS) members:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần VSC Green Logistics nhiệm kỳ 2024-2027 hiện có 03 thành viên:

The Company's BOS for the 2024-2027 term has 03 members:

Stt/ No	Thành viên BKS/ <i>BOS Members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu là thành viên/ không còn là thành viên BKS/ <i>Date of becoming a member/no longer a member of the BOS</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Professional qualifications</i>
1	Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng BKS/ <i>Head of BOS</i>	Trúng cử ngày/ <i>Elected date</i> 17/04/2021 Tái cử ngày/ <i>Re-election date</i> 15/03/2024	Kế toán/ <i>Accountant</i>
2	Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên/ <i>Member</i>	Trúng cử ngày/ <i>Elected date</i> 17/04/2021 Tái cử ngày/ <i>Re-election date</i> 15/03/2024	Kế toán/ <i>Accountant</i>
3	Phạm Thị Thúy Ngọc	Thành viên/ <i>Member</i>	Trúng cử ngày/ <i>Elected date</i> 14/03/2022 Tái cử ngày/ <i>Re-election date</i> 15/03/2024	Kế toán/ <i>Accountant</i>

2. Cuộc họp của BKS/ *BOS meetings:*

Stt/ No	Thành viên BKS/ BOS Members	Số buổi họp tham dự/ Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Nghiêm Thị Thùy Dương	1	100%	100%	
3	Phan Thị Trung Hiếu	1	100%	100%	
4	Phạm Thị Thúy Ngọc	1	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

Supervisory activities of the BOS towards the Board of Directors, Board of Management and shareholders

Ban kiểm soát đã xây dựng các kế hoạch hoạt động cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, tham dự các cuộc họp HĐQT, thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, Ban giám đốc và cổ đông theo quy định các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

The BOS has developed specific action plans to perform its duties, attend Board of Directors meetings, and supervise the Board of Directors, Board of Management and shareholders in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Company Charter.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Coordination of activities between the BOS and the Board of Management and other management staff:

Thường xuyên có sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

There is regular coordination between the BOS and the activities of the Board of Directors, the Board of Management and other management staff.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có).

Other activities of the BOS (if any).

IV. Ban điều hành/ Board of Management:

STT/ No	Thành viên Ban điều hành/ Board of Management's Member	Ngày tháng năm sinh/ Date of birth	Trình độ chuyên môn/ qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management
1	Đồng Trung Hải	28/12/1977	Kỹ sư kinh tế vận tải biển/ Marine transport economist	Bổ nhiệm ngày/ Appointed on 01/12/2020 Tái bổ nhiệm ngày/ Reappointed on 15/03/2024
2	Đặng Quốc Vệ	22/11/1978	Cử nhân kỹ thuật vô tuyến điện/	Bổ nhiệm ngày/ Appointed on 01/06/2024

			Bachelor of Radio Engineering	
--	--	--	----------------------------------	--

V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant:

Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Nguyễn Thị Thu Hằng	27/07/1982	Thạc sĩ Kế toán/ <i>Master of Economics majoring in Accounting</i>	Bổ nhiệm ngày/ <i>Appointed on</i> 01/06/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance: Không/None

VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:*

Vui lòng xem danh sách kèm theo/ *Please refer to the attached list*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Vui lòng xem danh sách kèm theo/ *Please refer to the attached list*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm giữ quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không/ None*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects: Không/ None*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc

(Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*

Vui lòng xem danh sách kèm theo/ *Please refer to the attached list*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty / *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

Vui lòng xem danh sách kèm theo/ *Please refer to the attached list*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không/ *None*

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VSC GREEN
LOGISTICS
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC DŨNG

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
1	Nguyễn Đức Dũng		CT HĐQT/ <i>Chairman of BOD</i>			15/03/2024			NNB/ <i>affiliated person</i>
2	Lê Quang Huy		TV HĐQT độc lập/ <i>Independent member of the BOD</i>			10/03/2025			NNB/ <i>affiliated person</i>
3	Đông Trung Hải		TV HĐQT/ Giám đốc <i>BOD Member/ Director</i>			17/04/2021			NNB/ <i>affiliated person</i>
4	Nguyễn Kim Dương Khôi		TV HĐQT/ <i>BOD Member</i>			17/04/2021			NNB/ <i>affiliated person</i>
5	Trần Thị Phương		TV HĐQT/ <i>BOD Member</i>			14/03/2022			NNB/ <i>affiliated</i>

	Anh						<i>person</i>
6	Phạm Thị Thúy Ngọc		TV BKS/ <i>IC Member</i>		14/03/2022		NNB/ <i>affiliated person</i>
7	Nghiêm Thị Thùy Dương		Trưởng BKS/ <i>Head of IC</i>		17/04/2021		NNB/ <i>affiliated person</i>
8	Phan Thị Trung Hiếu		TV BKS/ <i>IC Member</i>		17/04/2021		NNB/ <i>affiliated person</i>
9	Đặng Quốc Vệ		PGĐ/ <i>Deputy Director</i>		01/06/2024		NNB/ <i>affiliated person</i>
10	Nguyễn Thị Thu Hằng		KTT/ <i>Chief Accountant</i>		01/06/2024		NNB/ <i>affiliated person</i>
11	Phạm Thị Thúy Nga		CBTT, Thư ký CT, Người phụ trách quản trị/ <i>Secretary of the BOD, Person</i>		03/05/2021		NNB/ <i>affiliated person</i>

			<i>authorized to disclose information, Person in charge of administration</i>					
12	Đoàn Thị Phương Thảo		Trưởng Ban kiểm toán nội bộ/ <i>Head of Internal Audit</i>		12/07/2023			NNB/ <i>affiliated person</i>
13	Bùi Quốc Việt		Thành viên Ban kiểm toán nội bộ/ <i>Internal Audit Member</i>		12/07/2023			NNB/ <i>affiliated person</i>
14	Nguyễn Ngọc Khánh		Thành viên Ban kiểm toán nội bộ/ <i>Internal Audit Member</i>		12/07/2023			NNB/ <i>affiliated person</i>
15	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh/ <i>Green Star Lines One Member Limited Company</i>							Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated through the same parent company</i>
16	Công ty							Cùng

	TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh/ <i>Green</i> <i>Logistics</i> <i>Centre</i> <i>One</i> <i>Member</i> <i>Ltd</i>						công ty mẹ/ <i>Affiliated</i> <i>through</i> <i>the same</i> <i>parent</i> <i>company</i>
17	Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>VIP</i> <i>Green</i> <i>Port Joint</i> <i>Stock</i> <i>Company</i>						Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated</i> <i>through</i> <i>the same</i> <i>parent</i> <i>company</i>
18	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh/ <i>Green</i> <i>Port</i> <i>Services</i> <i>Company</i> <i>Limited</i>						Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated</i> <i>through</i> <i>the same</i> <i>parent</i> <i>company</i>
19	Công ty CP Container Miền Trung/						Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated</i> <i>through</i>

	Central Container Joint Stock Company		
20	Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh/ Viconship HCM Company Limited		
21	Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Binh – Đình Vũ/ Quang Binh - Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company		
22	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ/ Nam Hai Dinh Vu		

			the same parent company
			Cùng công ty mẹ/ Affiliated through the same parent company
			Cùng công ty mẹ/ Affiliated through the same parent company

	Port Company Limited		
23	Công ty cổ phần Container Quy Nhơn/ <i>Quy Nhon Container Joint Stock Company</i>		
24	Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines/ <i>Hai An Green Shipping Lines Company Limited</i>		
25	Công ty TNHH Harbour City/ <i>Harbour City Company Limited</i>		
26	Công ty CP		

			Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated through the same parent company</i>
			Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated through the same parent company</i>
			Cùng công ty mẹ/ <i>Affiliated through the same parent company</i>
			Công ty mẹ/

	Container Việt Nam/ <i>Vietnam</i> Container Shipping Joint Stock Corp							<i>parent company</i>
--	--	--	--	--	--	--	--	---------------------------

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).



**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY
VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/
TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE
COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS**

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty CP Cảng Xanh VIP/ VIP Green Port Joint Stock Company (VGR)	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i> - Ông Nguyễn Kim Dương Khôi là TV HĐQT, Giám đốc VGR, đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi is a Member of the BOD and Director of VGR, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC</i> - Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là Kế toán trưởng VGR, đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát GIC/ <i>Ms. Nghiêm Thị Thùy Dương is the Chief Accountant of VGR, concurrently serving as the Head of the BOS of GIC</i>			06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Provision of services:</i> 12.588.137.044 VNĐ + Thu nhập khác/ <i>Other income:</i> 853.813.165 VNĐ - Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 14.094.889.456 VNĐ	
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh/ Green Port Services Company Limited (GP)	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i> - Bà Trần Thị Phương Anh là Giám đốc GP, đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Ms. Trần Thị</i>			06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Provision of services:</i> 97.660.000 VNĐ	

		<i>Phuong Anh is the Director of GP, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC.</i>		<i>the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	
3	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh/ <i>Green Star Lines One Member Limited Company (GSL)</i>	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i> - Ông Đồng Trung Hải là Chủ tịch kiêm Giám đốc GSL, đồng thời là TV HĐQT kiêm Giám đốc GIC/ <i>Mr. Đồng Trung Hải is the Chairman cum Director of GSL, concurrently serving as a Member of the BOD cum Director of GIC</i>	06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Provision of services:</i> 349.938.650 VNĐ Trong đó/ <i>In which:</i> + Cung cấp DV/ <i>Provision of services:</i> 236.038.650 VNĐ + Thuê TS/ <i>Asset Leasing:</i> 113.900.000 VNĐ - Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 18.999.977.577 trong đó: +Mua DV/ <i>Purchase of services:</i> 1.537.014.630VNĐ +Mua tài sản (xe vận tải, máy móc Tbj)/ <i>Purchase of Assets (transportation vehicles, machinery and equipment):</i> 17.462.962.947VNĐ
4	Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh/ <i>Green Logistics Centre One Member Ltd</i>	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i> - Bà Trần Thị Phương Anh là chủ tịch GLC, đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Ms. Trần Thị Phương Anh is the Chairman of GLC, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC</i> - Ông Lê Quang Huy là Giám đốc GLC, đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Mr. Lê Quang Huy is</i>	06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Provision of services:</i> 2.637.351.739 VNĐ Trong đó/ <i>In which:</i> +Cung cấp DV/ <i>Provision of services::</i> 2.139.861.739VNĐ + Thuê TS/ <i>Asset Leasing::</i> 497.490.000 VNĐ - Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 55.921.438.693VNĐ Trong đó/ <i>In which:</i>

		<i>the Director of GLC, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC</i> - Bà Phan Thị Trung Hiếu là kế toán trưởng GLC đồng thời là TV BKS GIC/ <i>Ms. Phan Thị Trung Hiếu is the Chief Accountant of GLC, concurrently serving as a Member of the BOS of GIC</i>
5	Công ty CP Container miền Trung/ <i>Central Container Joint Stock Company</i>	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i> - Bà Trần Thị Phương Anh là thành viên HĐQT VSM đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Ms. Trần Thị Phương Anh is the member of the BOD of VSM, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC</i>
6	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh tại Thành phố Hà Nội/ <i>Viconship Ho Chi Minh Company Limited Ha Noi Branch</i>	- GIC và Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh tại thành phố Hà Nội cùng công ty mẹ/ <i>GIC and Viconship Ho Chi Minh Company Limited Ha Noi Branch are under the same parent company</i>
7	Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ/ <i>Quang Binh - Dinh</i>	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i> - Bà Trần Thị Phương

		+Mua DV/ <i>Purchase of services:</i> 2.751.817 VNĐ + Mua TS (xe vận tải+ đất+ máy móc Tbi)/ <i>Purchase of Assets (transportation vehicles, machinery and equipment):</i> 55.918.686.876 VNĐ	
06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Provision of services:</i> VNĐ - Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 60.722.222 VNĐ	
06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 370.711.982 VNĐ	
06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Provision of services:</i> VNĐ	

	<i>Vu Dry Port Joint Stock Company (VGI)</i>	Anh là chủ tịch HĐQT VGI đồng thời là TV HĐQT GIC./ <i>Ms. Trần Thị Phương Anh is the Chairman of the BOD of VGI, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC</i> - Ông Lê Quang Huy là Giám đốc VGI đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Mr. Lê Quang Huy is the Director of VGI, concurrently serving as a Member of the BOD of GIC</i> - Bà Phạm Thị Thúy Ngọc là trưởng BKS VGI đồng thời là TV BKS GIC/ <i>Ms. Phạm Thị Thúy Ngọc is the Head of the BOS of VGI, concurrently serving as a Member of the BOS of GIC</i> - Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là TV BKS VGI, đồng thời là Trưởng BKS GIC/ <i>Ms. Nghiêm Thị Thùy Dương is a Member of the BOS of VGI, concurrently serving as the Head of the BOS of GIC</i> - GIC sở hữu 13,31% cổ phần tại VGI/ <i>GIC holds 13.31% of the shares in VGI</i>
8	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (NHDP) <i>Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited</i>	- Cùng công ty mẹ/ <i>Under the same parent company</i>

2026	năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>		
06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD</i>	- Cung cấp dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 44.489.827 VNĐ	

9	Công ty CP Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corp	- Là công ty mẹ của GIC/ <i>The parent company of GIC</i> - Ông Nguyễn Đức Dũng là TV HĐQT VSC, đồng thời là chủ tịch HĐQT GIC/ <i>Mr. Nguyễn Đức Dũng is a Member of the BOD of VSC, concurrently the Chairman of the BOD of GIC</i> - Bà Trần Thị Phương Anh là TV HĐQT VSC, đồng thời là TV HĐQT GIC/ <i>Ms. Trần Thị Phương Anh is a Member of the BOD of VSC, concurrently a Member of the BOD of GIC</i> - Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là Trưởng BKS GIC, đồng thời là TV BKS VSC/ <i>Ms. Nghiêm Thị Thùy Dương is the Head of the BOS of GIC, concurrently serving as a Member of the BOS of VSC</i> - Bà Phan Thị Trung Hiếu là TV BKS VSC đồng thời là TV BKS GIC/ <i>Ms. Phan Thị Trung Hiếu is a Member of the BOS of VSC, concurrently a Member of the BOS of GIC</i>

	<i>dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>		
06 tháng đầu năm 2026/ <i>First 06 months of 2026</i>	12/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Resolution No. 12/2025/NQ-BOD dated 04 December 2025 approving the policy on entering into and implementing contracts and transactions between GIC and related parties in 2026.</i>	- Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i> 10.430.432.270 VNĐ	

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

STT/ No	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm/ Reasons for increasing, decreasing
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
1	Đồng Trung Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc GIC/ Member of BOD cum Director of GIC	14.400	0,1%	30.240	0,1%	- Nhận cổ tức năm 2024 (10%): 1.440 cổ phiếu Receiving 2024 stock dividend (10%): 1,440 shares - Mua thêm theo chương trình phát hành phát hành cổ phiếu của GIC: 14.400 cổ phiếu Purchasing additional shares under GIC's stock issuance program: 14,400 shares
2	Công ty cổ phần Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation	Công ty mẹ/ Parent company	8.040.000	66,34%	16.884.000	66,34%	- Nhận cổ tức năm 2024 (10%): 804.000 cổ phiếu Receiving 2024 stock dividend (10%): 804,000 shares - Mua thêm theo chương trình phát hành phát hành cổ phiếu của GIC: 8.040.000 cổ phiếu Purchasing additional shares under GIC's stock issuance program: 8,040,000 shares

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
The list of internal persons and their affiliated persons công ty

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
1	Nguyễn Đức Dũng		CT HĐQT/ Chairman of BOD			0	0	
1.01	Nguyễn Đức Thanh					0	0	Bố/ Father
1.02	Đặng Thị Luật					0	0	Mẹ/ Mother
1.03	Phạm Thị Minh Yến					0	0	Vợ/ Wife
1.04	Nguyễn Thị Lệ					0	0	Em gái/ Sister
1.05	Nguyễn Việt Hà					0	0	Em rể/ Brother in law
1.06	Nguyễn Đức Mạnh					0	0	Em trai/ Brother
1.07	Lý Thị Thúy Liên					0	0	Em dâu/ Sister in law
1.08	Nguyễn Đức Tuấn					0	0	Con ruột/ Biological child
1.09	Nguyễn Bảo Ngân					0	0	Con ruột/ Biological child
1.10	Nguyễn Bảo Kim					0	0	Con ruột/ Biological child
1.11	Công ty CP Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corp					16.884.000	66,34	Ông Nguyễn Đức Dũng làm TV HĐQT/ Mr. Nguyễn Đức Dũng serves as a Member of the BOD
1.12	CTCP Cảng VIMC Đình Vũ/ VIMC Đình Vu Port Joint Stock Company					0	0	Ông Nguyễn Đức Dũng làm TV HĐQT/ Mr. Nguyễn Đức Dũng serves as a Member of the BOD
2	Lê Quang Huy		Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Member of the BOD			0	0	

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
2.01	Hà Thị Hồng Diệp					0	0	Vợ/ Wife
2.02	Lê Hữu Minh Hiếu					0	0	Con ruột/ Biological child
2.03	Lê Hà Nguyên					0	0	Con ruột/ Biological child
2.04	Lê Minh Nhật					0	0	Con ruột/ Biological child
2.05	Lê Quang Tuấn					0	0	Bố/ Father
2.06	Nguyễn Huyền Nga					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
2.07	Lê Thị Minh Huệ					0	0	Chị gái/ Sister
2.08	Trần Tiến Dũng					0	0	Anh rể/ Brother in law
2.09	Lê Thị Minh Hồng					0	0	Chị gái/ Sister
2.10	Nguyễn Đức Cường					0	0	Anh rể/ Brother in law
2.11	Hoàng Thị Hải Tín					0	0	Mẹ vợ/ Mother in law
2.12	Hà Việt Dũng					0	0	Em vợ/ Brother in law
2.13	Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh/ Green Logistics Centre One Member Ltd					0	0	Ông Lê Quang Huy làm Giám đốc/ Mr. Lê Quang Huy serves as the Director

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
2.14	Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ/ <i>Quang Binh - Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company</i>					0	0	Ông Lê Quang Huy làm Giám đốc/ <i>Mr. Lê Quang Huy serves as the Director</i>
2.15	CTCP Vận tải biển Vinaship/ <i>Vinaship Joint Stock Company</i>					0	0	Ông Lê Quang Huy làm TV HĐQT/ <i>Mr. Lê Quang Huy serves as a Member of the BOD</i>
3	Đổng Trung Hải		TV HĐQT/ Giám đốc <i>BOD Member/ Director</i>			30.240	0,1	
3.01	Đổng Huy Tường					0	0	Bố đẻ/ <i>Father</i>
3.02	Nguyễn Thị Thu					0	0	Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
3.03	Nghiêm Thị Thanh Thủy					0	0	Vợ/ <i>Wife</i>
3.04	Đổng Nghiêm Minh Hiếu					0	0	Con ruột/ <i>Biological child</i>
3.05	Đổng Nghiêm Trung Đức					0	0	Con ruột/ <i>Biological child</i>
3.06	Đổng Nghiêm Quỳnh Chi					0	0	Con ruột/ <i>Biological child</i>
3.07	Đổng Nghiêm Xuân Phúc					0	0	Con ruột/ <i>Biological child</i>
3.08	Nghiêm Văn Lạc					0	0	Bố vợ/ <i>Father in law</i>
3.09	Dương Thị Thúy Hải					0	0	Mẹ vợ/ <i>Mother in law</i>
3.10	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh/ <i>Green Star Lines One Member Limited Company</i>					0	0	Ông Đổng Trung Hải làm Chủ tịch kiêm Giám đốc/ <i>Mr. Đổng Trung Hải serves as the Chairman cum Director.</i>
4	Nguyễn Kim Dương Khôi		TV HĐQT/ <i>BOD Member</i>			0	0	

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
4.01	Nguyễn Kim Côn					0	0	Bố đẻ/ Father
4.02	Lê Thu Cúc					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
4.03	Nguyễn Thị Phương Liên					0	0	Vợ/ Wife
4.04	Nguyễn Kim Khôi Nguyên					0	0	Con ruột/ Biological child
4.05	Nguyễn Kim Nguyên Khang					0	0	Con ruột/ Biological child
4.06	Nguyễn Thị Ban Mai					0	0	Chị gái/ Sister
4.07	Đặng Đăng Khoa					0	0	Anh rể/ Brother in law
4.08	Nguyễn Huân					0	0	Bố vợ/ Father in law
4.09	Công ty CP Cảng Xanh VIP/ VIP Green Port Joint Stock Company					0	0	Ông Nguyễn Kim Dương Khôi làm TV HĐQT, Giám đốc/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi serves as a Member of the BOD and Director
4.10	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ/ Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited					0	0	Ông Nguyễn Kim Dương Khôi làm Giám đốc/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi serves as the Director
5	Trần Thị Phương Anh		TV HĐQT/ BOD Member			0	0	
5.01	Nguyễn Thị Tâm					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
5.02	Hoàng Duy Thước					0	0	Bố chồng/ Father in law
5.03	Bùi Thị Loan					0	0	Mẹ chồng/ Mother in law
5.04	Hoàng Anh Tuấn					0	0	Chồng/ Husband
5.05	Trần Thị Hải Anh					0	0	Em gái/ Sister

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
5.06	Trần Mạnh Hùng					0	0	Em rể/ Brother in law
5.07	Trần Thị Quỳnh Anh					0	0	Em gái/ Sister
5.08	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh/ Green Port Services Company Limited					0	0	Bà Trần Thị Phương Anh làm Giám đốc/ Ms. Trần Thị Phương Anh serves as the Director
5.09	Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ/ Quang Binh - Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company					0	0	Bà Trần Thị Phương Anh làm thành viên HĐQT/ Ms. Trần Thị Phương Anh serves as a Member of the BOD
5.10	Công ty CP Container miền Trung/ Central Container Joint Stock Company					0	0	Bà Trần Thị Phương Anh làm thành viên HĐQT/ Ms. Trần Thị Phương Anh serves as the member of the BOD
5.11	Công ty CP Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corp					16.884.000	66,34	Bà Trần Thị Phương Anh làm thành viên HĐQT/ Ms. Trần Thị Phương Anh serves as a Member of the BOD
5.12	Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh/ Green Logistics Centre One Member Ltd					0	0	Bà Trần Thị Phương Anh làm Chủ tịch công ty/ Ms. Trần Thị Phương Anh serves as the Chairwoman of the Company
6	Nghiêm Thị Thùy Dương		Trưởng BKS/ Head of BOS			0	0	
6.01	Nguyễn Thị Loan					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
6.02	Trần Vũ Hậu					0	0	Chồng/ Husband
6.03	Trần Tùng Dũng					0	0	Con ruột/ Biological child
6.04	Trần Thảo Hương					0	0	Con ruột/ Biological child
6.05	Nghiêm Thị Ngọc Vân					0	0	Chị gái/ Sister

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
6.06	Nguyễn Đức Thành					0	0	Anh rể/ Brother in law
6.07	Vũ Thị Mai					0	0	Mẹ chồng/ Mother in law
6.08	Công ty CP Cảng Xanh VIP/ VIP Green Port Joint Stock Company					0	0	Bà Nghiêm Thị Thủy Dương làm Kế toán trưởng/ Ms. Nghiêm Thị Thủy Dương serves as the Chief Accountant
6.09	Công ty CP Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corp					16.884.000	66,34	Bà Nghiêm Thị Thủy Dương làm thành viên Ban kiểm soát/ Ms. Nghiêm Thị Thủy Dương serves as a Member of the BOS
6.10	Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ/ Quang Binh - Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company					0	0	Bà Nghiêm Thị Thủy Dương làm thành viên Ban kiểm soát/ Ms. Nghiêm Thị Thủy Dương serves as a Member of the BOS
7	Phan Thị Trung Hiếu		TV BKS/ BOS Member			0	0	
7.01	Đặng Thị Lười					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
7.02	Phạm Đỗ Thiêng					0	0	Bố chồng/ Father in law
7.03	Nguyễn Thị Đào					0	0	Mẹ chồng/ Mother in law
7.04	Phạm Văn Ngân					0	0	Chồng/ Husband
7.05	Phạm Mai Phương					0	0	Con ruột/ Biological child
7.06	Phạm Đỗ Bảo					0	0	Con ruột/ Biological child

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
7.07	Phan Thanh Thủy					0	0	Chi gái/ Sister
7.08	Phạm Xuân Thủy					0	0	Anh rể/ Brother in law
7.09	Phan Thành Trung					0	0	Anh trai/ Brother
7.10	Trần Thị Kim Ngọc					0	0	Chị dâu/ Sister in law
7.11	Phan Thị Phương Thảo					0	0	Em ruột/ Sister
7.12	Nguyễn Phương Đức					0	0	Em rể/ Brother in law
7.13	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh/ Green Logistics Centre One Member Ltd					0	0	Bà Phan Thị Trung Hiếu làm kế toán trưởng/ Ms. Phan Thị Trung Hiếu serves as the Chief Accountant
7.14	Công ty CP Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corp					16.884.000	66,34	Bà Phan Thị Trung Hiếu làm thành viên Ban kiểm soát/ Ms. Phan Thị Trung Hiếu serves as a Member a Member of the BOS
8	Phạm Thị Thuý Ngọc		TV BKS/ BOS Member			0	0	
8.01	Hà Thị Chín					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
8.02	Nguyễn Trung Kiên					0	0	Chồng/ Husband
8.03	Nguyễn Minh Khuê					0	0	Con ruột/ Biological child

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
8.04	Phạm Thị Thanh Nga					0	0	Chị gái/ Sister
8.05	Vũ Văn Phương					0	0	Anh rể/ Brother in law
8.06	Nguyễn Phú Cường					0	0	Bố chồng/ Father in law
8.07	Diệp Thị Phương Nam					0	0	Mẹ Chồng/ Mother in law
8.08	Nguyễn Hồng Sơn					0	0	Em chồng/ Brother in law
8.09	Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ/ Quang Binh - Dinh Vu Dry Port Joint Stock Company					0	0	Bà Phạm Thị Thủy Ngọc làm thành viên Ban kiểm soát/ Ms. Phạm Thị Thủy Ngọc serves as a Member of the BOS
9	Đặng Quốc Vệ		PGĐ/ Deputy Director			0	0	
9.01	Đào Thị Oanh					0	0	Vợ/ Wife
9.02	Đặng Thanh Phương					0	0	Con ruột/ Biological child
9.03	Đặng Quốc Minh					0	0	Con ruột/ Biological child
9.04	Đặng Thanh Cảnh					0	0	Bố đẻ/ Father
9.05	Phạm Thị Diệp					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
9.06	Đào Mạnh Huân					0	0	Bố vợ/ Father in law
9.07	Đỗ Thị Mai					0	0	Mẹ vợ/ Mother in law

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
9.08	Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh/ Green Logistics Centre One Member Ltd					0	0	Ông Đặng Quốc Vệ làm phó Giám đốc/ Mr. Đặng Quốc Vệ serves as the Deputy Director
10	Nguyễn Thị Thu Hằng		KTT/ Chief Accountant			0	0	
10.01	Đình Huy Quang					0	0	Chồng/ Husband
10.02	Đình Huy Đức					0	0	Con ruột/ Biological child
10.03	Đình Thu Trang					0	0	Con ruột/ Biological child
10.04	Nguyễn Xuân Thời					0	0	Bố đẻ/ Father
10.05	Phạm Thị Diệu					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
10.06	Nguyễn Xuân Chiến					0	0	Anh trai/ Brother
10.07	Nguyễn Thị Thu Hương					0	0	Chị ruột/ Sister
10.08	Nguyễn Phi Hùng					0	0	Anh trai/ Brother
10.09	Phan Thị Lương					0	0	Mẹ chồng/ Mother in law
10.10	Đình Huy Tuấn					0	0	Em chồng/ Brother in law
10.11	Đình Huy Tuấn					0	0	Em chồng/ Brother in law

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
11	Phạm Thị Thuý Nga		CBTT, Thư ký CT, Người phụ trách quản trị/ Secretary of the BOD, Person authorized to disclose information, Person in charge of administration			0	0	
11.01	Trần Đức Anh					0	0	Chồng/ Husband
11.02	Trần Quang Anh					0	0	Con ruột/ Biological child
11.03	Trần Minh Anh					0	0	Con ruột/ Biological child
11.04	Phạm Quang Thành					0	0	Bố dè/ Father
11.05	Vũ Thị Thúy Loan					0	0	Mẹ dè/ Mother
11.06	Trần Văn Đồng					0	0	Bố chồng/ Father in law
11.07	Lê Ánh Nguyệt					0	0	Mẹ chồng/ Mother in law
11.08	Trần Mai Anh					0	0	Chị chồng/ Sister in law
11.09	Phạm Quang Huy					0	0	Em trai/ Brother
12	Đoàn Thị Phương Thảo		Trưởng Ban kiểm toán nội bộ/ Head of Internal Audit			2,400	0.01	
12.01	Đoàn Hồng Việt					0	0	Bố dè/ Father
12.02	Bùi Thị Kim Phương					0	0	Mẹ dè/ Mother
12.03	Phạm Văn Tình					0	0	Bố chồng/ Father in law
12.04	Trần Thị Bình					0	0	Mẹ chồng/ Mother in law
12.05	Phạm Quốc Huy					0	0	Chồng/ Husband

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
12.06	Đoàn Thị Hồng Nhung					0	0	Chị gái/ Sister
12.07	Nguyễn Minh Quang					0	0	Anh rể/ Brother in law
13	Bùi Quốc Việt		Thành viên Ban kiểm toán nội bộ/ Internal Audit Member			0	0	
13.01	Lương Quốc Trọng					0	0	Bố đẻ/ Father
13.02	Nguyễn Ngọc Diệp					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
13.03	Nguyễn Thị Thanh Mai					0	0	Mẹ vợ/ Mother in law
13.04	Nguyễn Mai Anh					0	0	Vợ/ Wife
13.05	Bùi Lương Quốc Bảo					0	0	Con ruột/ Biological child
13.06	Lương Bùi Quốc Trung					0	0	Em trai/ Brother
13.07	Nguyễn Hà My					0	0	Em vợ/ Sister in law
14	Nguyễn Ngọc Khánh		Thành viên Ban kiểm toán nội bộ/ Internal Audit Member			0	0	
14.01	Nguyễn Văn Tuấn					0	0	Bố đẻ/ Father
14.02	Hoàng Thị Nhiên					0	0	Mẹ đẻ/ Mother
14.03	Phạm Văn Toanh					0	0	Bố vợ/ Father in law
14.04	Bùi Thị Nguyễn					0	0	Mẹ vợ/ Mother in law

STT/ No.	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ /Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period (%)	Ghi chú/ Notes
1	3		4	5	6	7	8	10
14.05	Phạm Thị Tuyết					0	0	Vợ/ Wife
14.06	Nguyễn Ngọc Bảo Anh					0	0	Con ruột/ Biological child
14.07	Nguyễn Ngọc Minh Anh					0	0	Con ruột/ Biological child
14.08	Phạm Văn Quốc Anh					0	0	Em vợ/ Brother in law
15	Công ty CP Container Việt Nam/ Vietnam Container Shipping Joint Stock Corp					16.884.000	66,34	Công ty mẹ của tổ chức niêm yết/ Parent company of the listed organization